TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS - ST
Ngày: 06 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Trụ sở: Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà SailingTower – 111A P, phường BQuận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* **Ông Hàn Ngọc V**, chức vụ: Tổng giám đốc NGÂN HÀNG TMCP Q.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* **Ông Võ Văn T**, chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng đồng bằng sông Cửu Long, khối mạng lưới kinh doanh ngân hàng bán lẻ (Theo Giấy ủy quyền số: 232398.24 ngày 23/10/2024)

- *Người nhận ủy quyền lại:*

Ông Trần Minh P, chức vụ: Cán bộ NGÂN HÀNG TMCP Q

Ông Nguyễn Quốc V, chức vụ: Cán bộ NGÂN HÀNG TMCP Q

Ông Vũ Thiên Đ, chức vụ: Cán bộ NGÂN HÀNG TMCP Q

Ông Danh Hoài H, chức vụ: Cán bộ NGÂN HÀNG TMCP Q

(Theo Giấy ủy quyền số: 281019.24 ngày 19/12/2024)

(Ông Nguyễn Quốc V có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: - Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 561C đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Lý Ngọc Y, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 403 đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày:

Vợ chồng ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y có ký kết với NGÂN HÀNG TMCP Q chi nhánh Kiên Giang hợp đồng tín dụng số 104734555.24 ngày 22/4/2024 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/4/2024, cụ thể như sau: Số tiền vay 2.500.000.000 đồng; mục đích vay: vay bù đắp thanh toán tiền mượn người thân để mua bất động sản; thời hạn vay 240 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 23/4/2044; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 09%/năm; trả lãi vào ngày 25 mỗi tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay được thể hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0055217.24.632 ngày 22/4/2024 ký kết giữa NGÂN HÀNG TMCP Q và ông T, bà Y; bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 137; địa chỉ thửa đất: Lô P20-32 đường N, khu đô thị P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: DM194183 cấp ngày 18/9/2023; đã cập nhật chuyển nhượng cho bà Lý Ngọc Y vào ngày 22/4/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Tính đến thời điểm ngày 05/12/2024, ông T, bà Y chỉ trả được tổng tiền lãi là 105.474.270 đồng. Mặc dù NGÂN HÀNG TMCP Q đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng ông T, bà Y vẫn không hợp tác. Khoản nợ của ông T, bà Y đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2024.

Số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/6/2025) bao gồm: Nợ gốc 2.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 46.169.565 đồng; nợ lãi quá hạn 150.719.178 đồng; tổng cộng là 2.696.888.743 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà Y phải trả số nợ gốc và lãi tạm tính nêu trên; đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 07/6/2025 theo mức lãi

suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông T, bà Y không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc V - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

Bị đơn ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, cung cấp chứng cứ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn vắng mặt, không có lý do chính đáng, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông T, bà Y có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ, với tổng số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.696.888.743 đồng**;** đồng thời nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Buộc hai bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngân hàng thương mại cổ phần Q tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; bị đơn ông T, bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T, bà Y.

[2] *Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:*

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn ông T, bà Y không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Như vậy, ông T, bà Y đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về Hợp đồng tín dụng:*

Giữa NGÂN HÀNG TMCP Q chi nhánh Kiên Giang và vợ chồng ông Hồ Thanh T, bà Lý Ngọc Y đã ký kết hợp đồng tín dụng số 104734555.24 ngày 22/4/2024 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/4/2024, cụ thể như sau: Số tiền vay 2.500.000.000 đồng; mục đích vay: vay bù đắp thanh toán tiền mượn người thân để mua bất động sản; thời hạn vay 240 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; ngày giải ngân là ngày 23/4/2024; phương thức giải ngân vào tài khoản mở tại NGÂN HÀNG TMCP Q của người thụ hưởng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 09%/năm; trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Căn cứ theo điều khoản và điều kiện cấp tín dụng của NGÂN HÀNG TMCP Q thì lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nên trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng nêu trên giữa NGÂN HÀNG TMCP Q và vợ chồng ông T, bà Y là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng: Theo NGÂN HÀNG TMCP Q cung cấp nội dung thực hiện hợp đồng thì lần cuối ông T, bà Y trả lãi vay là ngày 25/10/2024; với tổng số tiền lãi trong hạn đã trả là 105.474.270 đồng. Khoản nợ của ông T, bà Y đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/12/2024 với mức lãi suất quá hạn là 13,5%/năm.

Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/6/2025), ông T, bà Y còn nợ NGÂN HÀNG TMCP Q số nợ gốc là 2.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 46.169.565 đồng; nợ lãi quá hạn 150.719.178 đồng; tổng cộng là 2.696.888.743 đồng.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết; xét thấy mặc dù hợp đồng tín dụng chưa hết thời hạn vay, nhưng ông T, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay về việc thanh toán nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn; nên việc NGÂN HÀNG TMCP Q khởi kiện buộc ông T, bà Y phải trả toàn bộ nợ vay gốc, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi quá hạn là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông T, bà Y có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/6/2025) là 2.696.888.743 đồng; đồng thời buộc bị đơn ông T, bà Y phải tiếp

tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng.

[4] *Về hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:*

Để đảm bảo cho khoản vay NGÂN HÀNG TMCP Q đã ký kết với bên thế chấp là ông T, bà Y Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0055217.24.632 ngày 22/4/2024; tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 137, diện tích 137,5m^2; địa chỉ thửa đất: Lô P20-32 đường N, khu đô thị P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: DM194183 cấp ngày 18/9/2023; đã cập nhật chuyển nhượng cho bà Lý Ngọc Y vào ngày 22/4/2024. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá ngày 23/4/2024.

Xét thấy tài sản thế chấp nêu trên là tài sản hợp pháp của bên thế chấp; việc bên thế chấp là ông T, bà Y ký kết hợp đồng thế chấp với ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên hợp đồng thế chấp nêu trên là hợp pháp.

Căn cứ vào các Điều 292, 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông T, bà Y không trả hoặc trả không hết nợ cho ngân hàng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn ông T, bà Y phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 2.696.888.743 đồng, án phí được xác định là 85.937.774 đồng (72.000.000 đồng + 696.888.743 đồng x 2%).

Nguyên đơn NGÂN HÀNG TMCP Q được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.338.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008069 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 292, 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y.

1. Buộc ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền vay tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/6/2025); bao gồm: Nợ gốc 2.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 46.169.565 đồng; nợ lãi quá hạn 150.719.178 đồng; tổng cộng là 2.696.888.743 đồng (hai tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng).

Đồng thời ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y không thanh toán hết các khoản nợ thì ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0055217.24.632 ngày 22/4/2024; tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 137, diện tích 137,5m^2; địa chỉ thửa đất: Lô P20-32 đường N, khu đô thị P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: DM194183 cấp ngày 18/9/2023; đã cập nhật chuyển nhượng cho bà Lý Ngọc Y vào ngày 22/4/2024.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Hồ Thanh T và bà Lý Ngọc Y phải chịu án phí là 85.937.774 đồng (tám mươi lăm triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.338.000 đồng (bốn mươi mốt triệu ba trăm

ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008069 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Rạch Giá;
- CCTHADS TP.Rạch Giá;
- Lưu.